

Số: 03 /2025/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đơn giá và mức bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất không thể di chuyển được; mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 211/TTr-SNN ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định đơn giá và mức bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất không thể di chuyển được; mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh.
- Người sử dụng đất quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cây hằng năm là loại cây được gieo, trồng, cho thu hoạch và kết thúc chu kỳ sản xuất trong thời gian không quá 01 năm.

2. Cây lâu năm là loại cây được gieo, trồng một lần, sinh trưởng trong nhiều năm và cho thu hoạch một hoặc nhiều lần.

3. Cây lâm nghiệp là những loài cây gỗ và lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và trồng phân tán.

4. Cây trồng lâm nghiệp phân tán là các cây lâm nghiệp trồng trên diện tích không đảm bảo thành rừng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14.

5. Vật nuôi khác: Bao gồm gia súc, gia cầm, động vật khác trong chăn nuôi:

a) Gia súc là các loài động vật có vú, có 04 chân được con người thuần hóa và chăn nuôi.

b) Gia cầm là các loài động vật có 02 chân, có lông vũ, thuộc nhóm động vật có cánh được con người thuần hóa và chăn nuôi.

c) Động vật khác trong chăn nuôi là động vật ngoài gia súc, gia cầm và ngoài Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật rừng thông thường, động vật thủy sản, danh mục động vật rừng hoang dã được phép chăn nuôi theo quy định.

6. Mật độ cây trồng quy định tại Quyết định này là mật độ tối đa được áp dụng khi kiểm kê, lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Mật độ cây được xây dựng trên cơ sở đúc kết từ các quy trình kỹ thuật đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học thuộc các cục, vụ, học viện nông nghiệp Việt Nam và thực tế sản xuất tại các địa phương để mang lại hiệu quả kinh tế cao đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy trình sản xuất một số cây trồng, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 4. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản và vật nuôi khác

1. Đơn giá bồi thường thiệt hại cây hằng năm khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: *Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.*

2. Đơn giá bồi thường thiệt hại cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần đang trong thời kỳ thu hoạch khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: *Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.*

3. Đơn giá bồi thường vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: *Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.*

4. Đơn giá bồi thường đối với vật nuôi khác khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: *Chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.*

Điều 5. Mức bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản

1. Mức bồi thường thiệt hại đối với cây trồng

a) Đối với cây lâu năm là loại cho thu hoạch nhiều lần mà đang trong thời kỳ thu hoạch: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác

định sản lượng vườn cây còn chưa thu hoạch, số năm còn lại trong chu kỳ thu hoạch và đơn giá thực tế tại thời điểm bồi thường để lập phương án bồi thường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Việc bồi thường trên nguyên tắc thống kê thực tế số lượng cây, khóm cây, diện tích cây trồng, diện tích có nuôi trồng thủy sản và hướng dẫn trong quy trình sản xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

c) Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, trồng lại (nếu có) nhưng không được vượt quá đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng tại khoản 1, 2 Điều 4 Quyết định này.

d) Bồi thường đối với các trường hợp khác

Đối với hoa, cây cảnh, cây lâu năm được trồng chuyên canh cao hơn mật độ theo hướng dẫn trong quy trình sản xuất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì chủ sở hữu vườn cây được hỗ trợ vượt tối đa 30% mật độ; đơn giá bồi thường đối với số cây vượt quá mật độ bằng 50% đơn giá bồi thường cây trồng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Quyết định này.

Nhiều loại cây hàng năm trồng xen với nhau trên cùng một diện tích (không tách biệt được riêng diện tích từng loại cây) thì xác định đối tượng bồi thường chính (đối tượng bồi thường chính là cây cho giá trị cao nhất trên diện tích trồng xen): Đơn giá bồi thường đối với đối tượng bồi thường chính bằng 100% đơn giá bồi thường cây trồng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này; đơn giá bồi thường cây còn lại trên diện tích trồng xen (chỉ tính một loại cây trồng xen) bằng 30% đơn giá bồi thường cây trồng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này trên toàn bộ diện tích trồng xen canh.

đ) Cây hàng năm trồng xen, tận dụng quỹ đất trong vườn cây lâu năm, không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây lâu năm thì đơn giá bồi thường cây trồng xen (chỉ tính một loại cây trồng xen) được bồi thường 100% đơn bồi thường cây trồng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này trên toàn bộ diện tích trồng xen canh.

2. Mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản

Mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản được tính như sau:
Mức bồi thường thiệt hại = Đơn giá bồi thường quy định tại khoản 3, Điều 4 Quyết định này (x) diện tích thực nuôi bị thu hồi (m²).

Đối với vật nuôi thủy sản không có tên trong Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này thì căn cứ vào tính chất, đặc điểm, loại hình nuôi, giá trị tương tự với các vật nuôi thủy sản có tên trong Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng áp dụng phương pháp tính tương đương để xác định mức bồi thường, trình cấp có thẩm quyền quyết định. Trường hợp không có loại vật nuôi thủy sản tương đương, Hội đồng bồi thường khảo sát thực tế chi phí đầu tư, năng suất, sản lượng và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất để xác định mức giá bồi thường phù hợp và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến trước khi thực hiện. 

Điều 6. Mức hỗ trợ di dời và mức bồi thường đối với vật nuôi khác không thể di dời

1. Mức hỗ trợ di dời đối với vật nuôi khác

a) Đối tượng vật nuôi hỗ trợ di dời

Là gia súc, gia cầm, động vật khác được phép chăn nuôi theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 ngày 11 tháng 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

b) Nguyên tắc hỗ trợ di dời vật nuôi

Chỉ hỗ trợ di dời vật nuôi của chủ sở hữu tài sản, được tạo lập trước thời điểm có thông báo thu hồi đất và văn bản kiểm đếm thống kê số lượng vật nuôi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.

Việc hỗ trợ di dời trên nguyên tắc kiểm đếm thống kê thực tế số lượng, khối lượng vật nuôi trên diện tích đất bị thu hồi tại thời điểm kiểm đếm thống kê và phải di dời thực tế.

Khoảng cách di dời vật nuôi là khoảng cách thực tế từ nơi đi đến nơi đến được xác định trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

c) Biện pháp di dời vật nuôi: Việc di dời vật nuôi phải đảm bảo an toàn dịch bệnh và đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định tại Luật Thú y số 79/2015/QH13, Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14. Trường hợp di dời vật nuôi ra khỏi địa bàn cấp tỉnh phải tuân thủ quy định về kiểm dịch vận chuyển động vật theo quy định tại Luật Thú y.

d) Phương pháp tính mức hỗ trợ di dời vật nuôi

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ di dời vật nuôi bằng phương pháp kiểm đếm trực tiếp từng cá thể và quy đổi ra đơn vị vật nuôi theo quy định tại Phụ lục V - Hệ số đơn vị vật nuôi và công thức chuyển đổi của Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

Công thức tính hệ số đơn vị vật nuôi (HSVN) = Khối lượng hơi trung bình của vật nuôi/500kg.

Công thức tính đơn vị vật nuôi (ĐVN) cụ thể như sau: $ĐVN = HSVN \times \text{Số con}$.

Trong đó: ĐVN là đơn vị vật nuôi; HSVN là hệ số đơn vị vật nuôi.

đ) Mức hỗ trợ di dời vật nuôi:

Trường hợp di dời nội tỉnh: tối đa không quá 400.000 đồng/01 đơn vị vật nuôi.

Trường hợp di dời ngoại tỉnh: căn cứ tình hình thực tế, đơn vị tổ chức thu hồi, giải phóng mặt bằng thỏa thuận với cơ sở chăn nuôi cho từng trường hợp cụ thể, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. ✚

2. Mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi khác không thể di dời

a) Nguyên tắc bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi

Chỉ bồi thường vật nuôi của chủ sở hữu tài sản, được tạo lập trước thời điểm có thông báo thu hồi đất và văn bản kiểm đếm thống kê số lượng vật nuôi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.

Vật nuôi tại thời điểm thu hồi đất đã đến kỳ thu hoạch, xuất bán thì không được bồi thường (lợn thịt > 6 tháng tuổi, bò đực nuôi thịt > 24 tháng tuổi, gà Đông Tảo > 38 tuần tuổi, gà thịt khác > 100 ngày tuổi, vịt thịt > 50 ngày tuổi, vật nuôi có tuổi sinh sản cao hơn quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này). Tuổi của vật nuôi được xác định thông qua sổ sách ghi chép; bản kê khai hoạt động chăn nuôi; hợp đồng, hóa đơn, lý lịch giống vật nuôi (nếu có).

Vật nuôi tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch, xuất bán mà không thể di chuyển đến nơi khác để tiếp tục nuôi cho đến thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại do phải thu hoạch, xuất bán sớm.

b) Mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi được tính như sau:

Mức bồi thường = Giá trị sản xuất – giá trị bán thực tế (nếu có)

Mức bồi thường, Giá trị sản xuất của vật nuôi được tính theo Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Quy định liên quan

1. Cách đo đường kính thân, đường kính tán, chiều cao của cây

Đối với cây lâu năm giá trị từng loại cây được xác định chủ yếu bằng đường kính thân, đường kính tán và chiều cao đối với cây sinh trưởng bình thường theo nguyên tắc:

a) Đường kính thân cây (ĐK thân) được đo tại vị trí thân ổn định trên mặt đất ít nhất 20cm. Đối với cây một gốc có nhiều nhánh thì lấy nhánh có đường kính thân lớn nhất để tính cho cây đó;

b) Chiều cao cây được tính từ gốc trên mặt đất theo thân chính đến chạc đôi, chạc ba cao nhất. Đối với cây có chạc lá là bẹ như dừa, cau thì độ cao cây tính từ mặt đất đến bẹ gần nhất;

c) Đường kính tán cây (ĐK tán) được xác định theo hình chiếu thẳng và vuông góc với mặt đất của vòng tròn tán lá cây.

2. Đối với các loại cây có quy định mật độ:

a) Số cây không vượt mật độ quy định: Chủ sở hữu được bồi thường 100% số lượng cây theo thực tế kiểm đếm và đơn giá quy định tại Quyết định này.

b) Số cây vượt mật độ quy định (nếu có): Chủ sở được hỗ trợ tối đa không quá 30% của số cây trong mật độ quy định theo mức giá bằng 50% đơn giá của cây cùng chủng loại; số cây vượt mật độ còn lại (nếu có) không được bồi thường, hỗ trợ và phải tự di chuyển.

c) Trường hợp chủ sở hữu tài sản trồng xen kẽ nhiều loại cây: căn cứ vào tình hình thực tế, hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ thống nhất phương án bồi thường, hỗ trợ đảm bảo thuận lợi cho công tác giải phóng mặt

bằng; xác định mật độ là cây trồng chính, cây trồng xen chỉ được hỗ trợ khi số cây trồng chính không vượt mật độ quy định và được hỗ trợ tối đa không quá 80% đơn giá quy định theo diện tích trồng thực tế kiểm đếm).

3. Đối với các loại cây trồng không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

Các địa phương căn cứ vào tình hình sản xuất thực tế tại địa phương, hiệu quả sản xuất của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có cây trồng không đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất công lao động di chuyển, vận chuyển, chặt bỏ, một phần chi phí đầu tư giống, vật tư ban đầu với mức hỗ trợ không quá 50% đơn giá các loại cây trồng được quy định tại Quyết định này.

4. Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trồng lúa hoặc các loại cây rau màu mà trước thời điểm thông báo thu hồi đất, người sử dụng đất đã đầu tư chi phí vào đất, như: làm đất, bón phân lót, chuẩn bị giống hoặc mới gieo trồng thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ vào tình hình thực tế hỗ trợ chi phí thực tế người dân đã đầu tư đến thời điểm thu hồi đất tính thành tiền, mức tối đa không vượt quá 50% đơn giá bồi thường đã được quy định.

5. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cấp huyện chịu trách nhiệm:

a) Xác định cây trồng chính để lập phương án bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp chủ sở hữu tài sản trồng xen kẽ nhiều loại cây.

b) Xác định từ khâu kiểm kê các loại cây mới đầu tư; cây được di chuyển đến trồng mới; cây trồng xen bất thường, không vì mục đích thu hoạch quả, lấy gỗ không được bồi thường 100% đơn giá.

c) Khi kiểm kê phát sinh những loại cây trồng, vật nuôi chưa quy định, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố báo cáo, đề xuất đơn giá bồi thường, mức hỗ trợ cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định. Các loại cây không có trong Phụ lục nhưng có cùng họ, loài và có giá trị tương đương với cây có trong Phụ lục thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố vận dụng để áp dụng cho phù hợp.

d) Giám sát, quản lý chặt chẽ cây trồng, vật nuôi đã thực hiện kiểm kê của dự án; tránh tình trạng di chuyển cây trồng, vật nuôi đã được kiểm kê và bồi thường, hỗ trợ từ dự án này sang dự án khác.

6. Trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng nếu có phát sinh các loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển và không có trong Quyết định này thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư rà soát theo quy trình sản xuất cây trồng, vật nuôi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Trường hợp chưa có trong quy trình sản xuất, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi văn bản đề xuất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, xây dựng quy trình sản xuất cây trồng, vật nuôi trình cấp có thẩm quyền ban hành; đề xuất đơn giá để phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. ✓

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng quy trình sản xuất đối với các loại cây trồng chưa có quy trình xuất theo đề nghị của các tổ chức cá nhân; phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh đơn giá bồi thường cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh đơn giá bồi thường cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ đơn giá bồi thường được ban hành tại Quyết định này và quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai để thực hiện việc bồi thường cho người sử dụng đất bị thu hồi trên địa bàn toàn tỉnh theo đúng quy định.

5. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu trong việc kiểm kê, phân loại; có thể mời cơ quan chuyên môn tham gia kiểm kê, phân loại (nếu cần thiết). Trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định, phân loại cây trồng, vật nuôi mà không thể di chuyển được, đề nghị liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn;

b) Căn cứ vào tình hình thực tế, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán bồi thường về chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, trồng lại (nếu có) cho từng dự án cụ thể, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xem xét, quyết định theo quy định;

c) Xác định số lượng cây vượt mật độ, tỷ lệ cây trồng vượt mật độ được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét, quyết định;

d) Xác định loại vật nuôi mà không thể di chuyển được và mức bồi thường cụ thể tại thời điểm kiểm kê báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

6. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc; những nội dung chưa phù hợp, mới phát sinh thì tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không được áp dụng hoặc không điều chỉnh đơn giá theo Quyết định này. *g*

2. Đối với những dự án, hạng mục chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì xác định giá bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá tại Quyết định này.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở DLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN
Thời gian ký: 16/01/2025 08:51:04

Nguyễn Hùng Nam